



BẢN TIN TUẦN IPC

Số 47/21, 15-19/11/2021

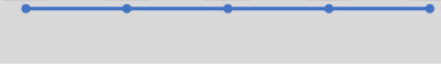
THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường tuần này cho thấy phản ứng trái chiều khi chỉ có Việt Nam ghi nhận sự sụt giảm.
02. Ấn Độ - Hồ tiêu Ấn Độ cho thấy chiều hướng tích cực trong tuần này.
03. Indonesia - Giá tiêu giao dịch nội địa và quốc tế của Indonesia tiếp tục tăng trong 3 tuần qua do nông dân giữ hàng chờ giá lên.
04. Malaysia - Giá tiêu nội địa và quốc tế của Malaysia tiếp tục ổn định trong 2 tuần qua.
05. Sri Lanka - Giá tiêu nội địa Sri Lanka tiếp tục xu hướng tăng kể từ giữa tháng 10/2021.
06. Việt Nam - Giá tiêu nội địa của Việt Nam tiếp tục ghi nhận xu hướng giảm, trong khi đó giá tiêu giao dịch quốc tế ổn định trong 2 tuần qua.
07. Nhập khẩu Hồ tiêu của Romania (2019-2021).

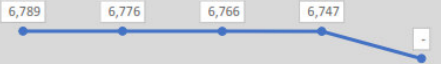
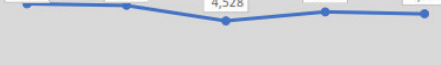
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (15-19/11)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi	6,520 6,507 6,497 6,478 -	6,501 - 6,223	4% ↑
 Ex-Lampung	3,836 3,835 3,822 3,830 3,828	3,830 - 3,753	2% ↑
 Ex-Kuching	3,615 3,613 3,597 3,597 3,594	3,603 - 3,616	0% ↔
 Ex- HCM	3,537 3,537 3,536 3,514 3,515	3,528 - 3,616	-2% ↓
 Sri Lanka	4,892 4,892 4,909 - 4,889	4,895 – 4,741	3% ↑

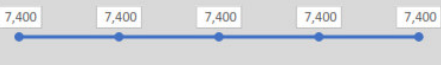
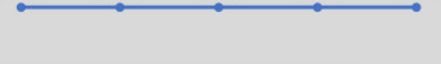
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (15-19/11)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang		6,501 - 6,418	1% 
 Ex-Kuching		6,072 - 6,093	0% 
 Ex-HCM		5,368 - 5,536	-3% 
 Ex-Hainan		6,150 - 6,150	0% 

GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

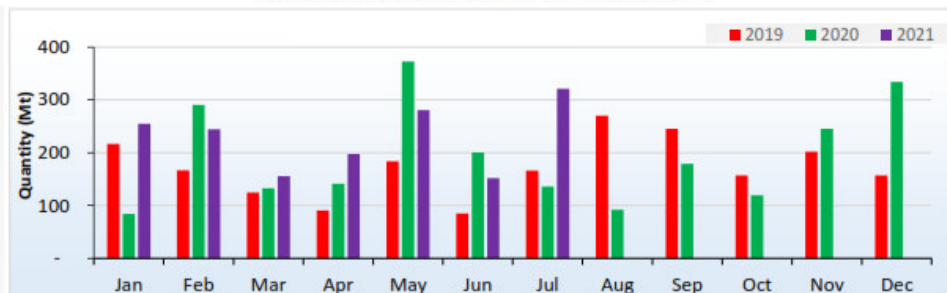
Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (15-19/11)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA		6,770 - 6,492	4% 
 Lampung ** ASTA		4,538 - 4,449	2% 
 Kuching ASTA		5,200 - 5,200	0% 
 Ho Chi Minh 500g/l		4,290 - 4,290	0% 
 Ho Chi Minh 550g/l		4,390 - 4,390	0% 

GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

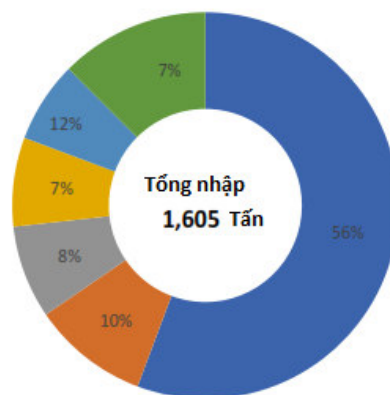
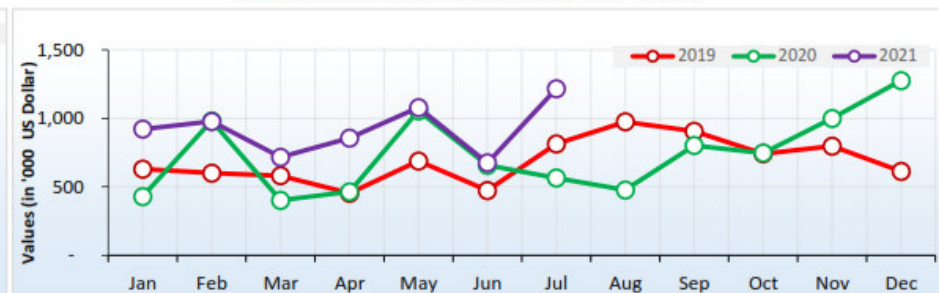
Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (15-19/11)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ		7,482 - 7,389	1% 
 Kuching ASTA		7,400 - 7,400	0% 
 Ho Chi Minh FAQ		6,500 - 6,458	1% 
 Haikou FAQ		6,350 - 6,350	0% 

NHẬP KHẨU HỒ TIÊU CỦA ROMANIA

Số lượng nhập khẩu Hồ tiêu của Romania (Tấn)



Trị giá nhập khẩu Hồ tiêu của Romania ('000 USD)



1 Brazil	: 894 Mt
2 Germany	: 156 Mt
3 Poland	: 125 Mt
4 Viet Nam	: 120 Mt
5 India	: 109 Mt
6 Others	: 201 Mt



Nhập khẩu Hồ tiêu của Romania (2019- 2021)		2019	2020	2021*
	Tổng lượng nhập (tấn)	2,062	2,326	1,605
	Tổng trị giá nhập ('000 \$)	\$8,274	\$8,856	\$6,443
	Tiêu hạt	47%	44%	36%
	Tiêu xay	53%	56%	64%
Tỉ lệ (%)				
	Chênh lệch (%)	n.a	13%	18%
	Tiêu hạt	\$4,000	\$3,935	\$4,532
	Giá nhập khẩu (USD/tấn)			
	Tiêu xay	\$4,022	\$3,706	\$3,725

* Tính đến tháng 7/2021

GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	n.a	7,150 CF Nov/Dec
Lampung black (ASTA)	n.a	5,200 CF Nov/Dec
Sri Lanka black	n.a	n.a
Brazil black (ASTA)	n.a	4,450 FOB Nov/Dec
Sarawak black (YL)	n.a	n.a
Viet Nam black (ASTA)	n.a	5,025 CF Nov/Dec/Jan
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	n.a	7,550 CF Nov
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	n.a	n.a
Viet Nam white (DW)	n.a	6,775 CF Nov/Dec

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.39	74.34	14,229	4.17	23,754	201.91
Tuần trước	6.40	74.16	14,257	4.16	23,754	201.70